

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 tháng 9 năm 2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình và ông Nguyễn Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu- tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu- tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc U, sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 16, ấp 1, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Số 188, tổ 5, ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Bách K, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 16, tổ 1, ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Anh K vắng mặt, chị U có mặt tham gia phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:

Chị và anh Nguyễn Bách K kết hôn ngày 17/01/2015 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký và được UBND xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn (số 05, quyển số 01/2015).

Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình; vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hợp, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn

nhau, mâu thuẫn xảy ra thường xuyên, không có hạnh phúc. Năm 2019, chị đã từng nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh K nhưng sau khi Tòa án hòa giải, chị rút đơn để anh K có cơ hội sửa chữa, khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh K vẫn không có sự thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Do vậy cách nay khoảng 01 năm, chị và anh K sống ly thân và vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình yêu thương không còn. Xét thấy không thể chung sống với anh K được nữa nên chị đã nộp đơn khởi kiện lại, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Chị và anh K không có con chung, không có nợ chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Bách K nhưng anh K không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị U và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tòa án đã nhiều lần Thông báo, triệu tập anh K đến Tòa án để lấy lời khai đôi chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K không đến Tòa án làm việc. Do vậy không có lời trình bày của anh K.

- Ý kiến của Viện Kiểm sát: Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân của anh K, chị U không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U về việc xin ly hôn. Chị U khai chị và anh K không có con chung, không có nợ chung. Anh K đã biết nhưng cũng không có ý kiến gì về những vấn đề này, không ai yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng nên không phải đặt ra giải quyết; chị U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh K cư trú cùng mẹ là bà Nguyễn Thị N tại ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (thể hiện tại các bút lục 03, 17). Cán bộ Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương đã đến nhà anh K để tổng đạt “Thông báo về việc thụ lý vụ án”, “Thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ” và “Giấy triệu tập” nhưng do anh K thường xuyên vắng nhà trong giờ hành chính nên Tòa án đã giao các văn bản tố tụng này cho mẹ anh K (thể hiện tại các bút lục số: 15, 17, 19). Mẹ của anh K là người ở cùng địa chỉ với anh K và cam kết sẽ giao ngay các văn bản này lại cho anh K. Nhưng sau khi nhận được các văn bản tố tụng nêu trên, anh K không có ý kiến trả lời, không gửi tài liệu, chứng cứ đến Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc như Tòa án đã yêu cầu. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ “Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải” cho anh K (thể hiện tại các bút lục số: 25,28) nhưng anh K vẫn

không đến Tòa án tham gia phiên họp. Do anh K đã được Thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp, đồng thời chị U cũng có văn bản đề nghị không tiếp tục hòa giải nữa nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được. Tòa án tiếp tục tiến hành tổng đạt hợp lệ “Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”, “Quyết định đưa vụ án ra xét xử” và “Quyết định hoãn phiên tòa” cho anh K (thể hiện tại các bút lục số: 31,39) theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, anh K đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị U yêu cầu ly hôn với anh K, đồng thời trình bày vợ chồng chưa có con chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung. Các nội dung này đã được Tòa án ghi rõ trong các thông báo mà anh K đã được tổng đạt hợp lệ nhưng anh K không có ý kiến phản đối, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của chị U và lời khai của mẹ anh K thì thấy cuộc sống chung của anh K và chị U không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế, anh K và chị U đã sống ly thân thời gian dài, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập họp lệ cho anh K đến Tòa án gặp gỡ chị U để tiến hành hòa giải nhưng anh K không đến, cho thấy anh K không có thiện chí kêu gọi chị U trở về đoàn tụ. Do vậy, yêu cầu của chị U về việc xin ly hôn với anh K là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Chị U cam kết chị và anh K không có con chung, không có nợ chung. Chị U không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Anh K đã được Tòa án thông báo về các ý kiến, yêu cầu này của chị U nhưng không có ý kiến gì. Do vậy Tòa án không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh K, chị U trong vụ án này.

[2.3] Về án phí ly hôn: Chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị U đã nộp.

[3] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều: 28, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trúc U. Chị Nguyễn Thị Trúc U được ly hôn với anh Nguyễn Bách K.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị U phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị U đã nộp theo biên lai thu số 0003921 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Như vậy chị U đã nộp đủ tiền án phí.

3. Chị U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã V, huyện V; tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Bá Diễn

Mẫu 52-DS

